

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 6 – 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Quách Kha L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp X, xã Hồ Thị K, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp X, xã Hồ Thị K, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Quách Kha L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị N có 02 người con tên Quách Thành T sinh ngày 19/3/2004 và Quách Như Y sinh ngày 20/02/2008, hiện cháu T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Y đang

sống cùng với chị N. Khi ly hôn do cháu Y có nguyện vọng sống cùng với chị N nên anh L đồng ý giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Lê Thị N, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Quách Kha L và chị Lê Thị N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa anh L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị N; đối với chị Lê Thị N, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh L nhưng chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh L. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Quách Kha L và chị Lê Thị N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị N có 02 người con tên Quách Thành T sinh ngày 19/3/2004 và Quách Như Y sinh ngày 20/02/2008. Đối với cháu T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Y, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh L và chị N ly thân cháu Y được chị N nuôi dưỡng, khi ly hôn anh L tự nguyện giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; đối với chị N không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Y cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y; vấn đề cấp dưỡng cho con anh L tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Y mỗi tháng 745.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi Y tròn 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện cấp dưỡng cho con của anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị N không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị N không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Quách Kha L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Quách Kha L và chị Lê Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Như Y sinh ngày 20/02/2008 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quách Kha L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Quách Như Y mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/6/2022) cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như anh L chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Quách Kha L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014871 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Quách Kha L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); anh L chưa nộp án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng